

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2024 – 2025

Căn cứ quyết định số 944/UBND- GD&ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc “ Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên”;

Căn cứ Công văn số Số 521/PGD&ĐT, ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc triển khai nhiệm vụ năm học năm 2024-2025 đối với Giáo dục mầm non;

Căn cứ kế hoạch số .../KH-VK ngày .. tháng 09 năm 2024 của trường Mầm non Vành Khuyên, nay bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch năm học như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm của UBND huyện, sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn của phòng giáo dục, chính quyền địa phương và của đông đảo cha mẹ học sinh trong công tác chăm sóc nuôi dạy trẻ tại trường.
- Đội ngũ giáo viên vững về chuyên môn, có lòng nhiệt tình, tâm huyết với trường với lớp.
- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, năng động đều đạt trình độ trên chuẩn.

II. Khó khăn:

- Một số phụ huynh điều kiện gia đình còn nhiều khó khăn, bố mẹ đi làm ăn xa gửi con cho ông bà, đa số là làm rẫy nương nên việc phối kết hợp cùng nhà trường trong công tác chăm sóc nuôi dạy trẻ còn nhiều hạn chế.
- Diện tích đất trường nhỏ hẹp, cần mở rộng thêm diện tích để đảm bảo công tác dạy và học.
- Nhân viên của nhà trường đều là kiêm nhiệm.
- Đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định ở một số nhóm, lớp dưới 5 tuổi còn hạn chế.
- Một số GV còn lúng túng, chưa linh hoạt trong việc đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục LTLTT; công tác đấu tranh tự phê bình và phê bình còn hạn chế.

1.Đội ngũ:

- Tổng số CBGVNV: 18 người, trong đó:
 - + CBQL: 02 người;
 - + GV: 15 người;
 - + NV: 01 người.
- Trình độ đào tạo: Đại học: 12 ; CĐ: 1; TC: 01

- Đảng viên: 11; Công đoàn viên: 18; Đoàn viên thanh niên: 9.

2. Số lớp và học sinh:

- Số lớp: 6 lớp với 1 điểm trường;

- Số học sinh: 180 cháu, nữ 86 cháu, dân tộc 1 cháu, nữ dân tộc 1 cháu.

3. Cơ sở vật chất

- Tổng số phòng học: 14 phòng bán kiên cố: nhà hiệu bộ, nhà bếp, phòng bảo vệ bán kiên cố. Văn phòng phẩm, thiết bị: Tương đối đảm bảo yêu cầu tối thiểu.

- Có đủ bàn, ghế, sách, bút và học liệu cho trẻ.

B. NHIỆM VỤ CHUNG:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục mầm non (*GDMN*); Đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt, năng lực tự chủ, thực hiện tốt dân chủ cơ sở; tăng cường quản lý, hỗ trợ nâng cao chất lượng *GDMN* ở nhóm, lớp mầm non độc lập tự thực trên địa bàn xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (*CNTT*) và chuyển đổi số trong công tác quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

2. Duy trì mạng lưới các nhóm, lớp tại trường gắn với công tác rà soát, tăng cường các giải pháp huy động trẻ nhà trẻ và mẫu giáo dưới 5 tuổi đến trường, lớp mầm non; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi (*PCGDMNTNT*).

3. Đẩy mạnh phát triển chương trình *GDMN* phù hợp với điều kiện của địa phương, của cơ sở *GDMN*, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tiếp tục thực hiện các Chuyên đề, Chương trình để đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em.

4. Đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình *GDMN*: Phân công đội ngũ phù hợp đảm bảo với vị trí việc làm tại đơn vị; Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ quản lý (*CBQL*) và giáo viên mầm non (*GVMN*), có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, tài liệu, học liệu mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới *GDMN*.

5. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng phong cách Hồ Chí Minh, phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 20 năm tái thành lập tỉnh Đắk Nông (01/01/2004-01/01/2024). Thực hiện Chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”, tiếp cận Chương trình giáo dục mầm non mới chuẩn bị nền tảng cho việc sẵn sàng triển khai thực hiện thí điểm tại đơn vị cho năm học tiếp theo;

C. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý giáo dục

1.1. Triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về *GDMN*, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình *GDMN*.

- Thường xuyên cập nhật kịp thời, thực hiện nghiêm túc quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chính sách đối với trẻ em, giáo viên theo quy định hiện hành;

Chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện thí điểm Chương trình GDMN mới.

1.2. Đổi mới công tác quản lý

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào công tác quản lý và các hoạt động trong nhà trường. Hồ sơ sổ sách nhà trường và giáo viên thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường mầm non hiện hành (*Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

1.3. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với cơ sở GDMN

Thường xuyên cập nhật, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo của ngành để thực hiện nhiệm vụ có chất lượng;

Thực hiện có hiệu quả hoạt động kiểm tra nội bộ nhà trường. Chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên; đạo đức nhà giáo; thực hiện quy chế chuyên môn; công tác xã hội hóa giáo dục; các điều kiện đảm bảo an toàn trường lớp học; công tác tham mưu phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ trẻ và chính quyền địa phương...;

Tăng cường công tác tham mưu với Ủy ban nhân dân xã và phối hợp các ban, ngành, đoàn thể trong việc quản lý GDMN, đặc biệt là việc kiểm tra hỗ trợ công tác chuyên môn các nhóm tư thực trên địa bàn xã.

* Chỉ tiêu: 100% nhóm trẻ tư thực trên địa bàn được tư vấn, hỗ trợ.

1.4. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với trẻ em, giáo viên, nhân viên

* Chỉ tiêu: 100% trẻ em trong diện chính sách được hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ chính sách theo quy định.

2. Phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và duy trì trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

2.1. Làm tốt công tác dự báo quy mô phát triển đối với GDMN đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương các phương án sắp xếp phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô phát triển; đảm bảo quyền lợi đến trường của trẻ em. Cụ thể:

- Tổ chức điều tra chính xác dân số độ tuổi trẻ mầm non trên địa bàn xã nhằm làm cơ sở dự báo quy mô phát triển trường lớp, để có giải pháp tham mưu với chính quyền địa phương quy hoạch phù hợp nhằm giảm áp lực cho trường công lập trên địa bàn xã;

- Rà soát, theo dõi, cập nhật kịp thời tình hình số trẻ thuộc đối tượng dân di cư trên địa bàn nhằm tham mưu phương án đưa trẻ ra lớp (*nếu có*). Hỗ trợ, nâng cao chất lượng và tăng cường quản lý các nhóm lớp độc lập tư thực trên địa bàn xã.

2.2. Chủ động rà soát điều kiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng trường lớp đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp, thân thiện, an toàn”. Đảm bảo tỉ lệ 01 phòng học/lớp; sĩ số trẻ em/nhóm, lớp theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; có đủ thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định. Chú trọng công trình vệ sinh trong nhà trường phải đảm bảo việc duy trì thường xuyên sạch sẽ, an toàn.

2.3. Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục, thường xuyên rà soát đối chiếu quy định để duy trì kết quả Trường chuẩn Quốc gia. Thực hiện tốt công tác tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT và xây dựng kế hoạch duy trì kết quả trường chuẩn Quốc gia và có kế hoạch từng bước xây dựng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 trong những năm tiếp theo.

2.4. Duy trì mô hình “Thư viện thân thiện” theo Luật Thư viện và Thông tư hướng dẫn của Bộ GDĐT,

* Chi tiêu:

- 100% các lớp đều có đủ trang thiết bị đồ dùng đồ chơi phục vụ nhu cầu học tập vui chơi cho trẻ;

- 100% các lớp đều xây dựng được thư viện thân thiện gắn với trường lớp xanh, sạch, đẹp.

3. Củng cố, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo

Tập trung ưu tiên nguồn lực để đảm bảo các điều kiện duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT; thực hiện nghiêm túc việc tự kiểm tra duy trì kết quả PCGDMNTNT ở cấp xã. Thực hiện cập nhật số liệu, thực hiện báo cáo, khai thác dữ liệu PCGDMNTNT trên hệ thống thông tin điện tử quản lý PCGD - XMC theo phân cấp quản lý một cách hiệu quả;

Tập trung các giải pháp duy trì kết quả PCGDMN cho trẻ 5 tuổi trong những năm tiếp theo, cụ thể các nội dung sau:

+ Tham mưu chính quyền địa phương, các cấp có thẩm quyền tiếp tục đầu tư mua sắm bổ sung trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục tối thiểu phục vụ thực hiện chương trình giáo dục cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi.

+ Tăng tỷ lệ huy động trẻ 3, 4 tuổi nhằm duy trì tốt huy động 100% trẻ 5 tuổi vào lớp lá trong những năm tiếp theo.

+ Nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi ở mức cho phép. Cuối năm học 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

Tăng tỷ lệ huy động trẻ đến trường ở tất cả các độ tuổi, đảm bảo 80% trẻ độ tuổi mẫu giáo đến trường. Đối với trẻ 5 tuổi, duy trì tốt tỷ lệ huy động 100% và 100% trẻ được ăn bán trú tại trường. Quan tâm huy động trẻ khuyết tật đến trường (nếu có).

* **Chỉ tiêu cụ thể**

- Phấn đấu huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đạt 80%.
- Duy trì tỷ lệ huy động 100% trẻ 5 tuổi đến trường.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

4.1. Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh; bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em.

- Sẵn sàng chủ động, linh hoạt các phương án xử lý, điều kiện cần thiết nếu xảy ra tình hình thiên tai, dịch bệnh trong năm học.

- Thực hiện nghiêm túc quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích và phòng, chống bạo hành trẻ em trong nhà trường; thực hiện nghiêm túc việc tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí về an toàn trường, lớp ngay từ đầu năm học nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ.

4.2. Đổi mới môi trường giáo dục, hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

Đổi mới môi trường giáo dục

Đảm bảo môi trường giáo dục “**Sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, không khí trong lành, thân thiện**”; bố trí các khu vực cho trẻ trải nghiệm, khám phá trong và ngoài lớp học; thực hiện đổi mới trang trí, thiết kế không gian lớp học theo mô hình linh hoạt, hiệu quả nhiều mặt, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng không gian. Chú trọng các ưu thế bố trí không gian lớp học phù hợp đa dạng với nhiều hình thức học - chơi - khám phá của trẻ em vừa khoa học vừa đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ (*những sản phẩm treo, dán trong lớp học nên để trưng bày kết quả, sản phẩm của trẻ em sau mỗi hoạt động của từng chủ đề*).

Tăng cường các hoạt động vệ sinh trường, lớp; đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, bảo đảm 100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức y tế Thế giới.

* **Chỉ tiêu phấn đấu**

- 100% trẻ tại trường được đảm bảo an toàn tuyệt đối, không để xảy ra trường hợp tai nạn, ngộ độc thực phẩm, không để xảy ra tình trạng bạo hành trẻ tại trường;

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường không vi phạm đạo đức nhà giáo;

- 100% các lớp học thực hiện góc tuyên truyền.

- Phòng chống dịch bệnh cho trẻ qua việc tiêm chủng, vệ sinh cá nhân, đảm bảo có ít nhất 95% trẻ mẫu giáo bán trú biết cách chải răng, rửa mặt, rửa tay bằng xà phòng theo đúng quy trình.

Đổi mới hoạt động giáo dục:

- Tập trung xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

- Giáo viên cần tạo cho trẻ một môi trường để trẻ thấy được yêu thương, được hiểu, được tôn trọng, được tin tưởng giúp trẻ chủ động tích cực tham gia hoạt động giáo dục hàng ngày ở trường lớp; lựa chọn những nội dung gần gũi, phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ, điều kiện trang thiết bị hiện có để vận dụng linh hoạt các phương pháp tạo ra các cơ hội để trẻ được học, được chơi, được trải nghiệm, khám phá, tìm hiểu môi trường xung quanh để hình thành những kỹ năng, thói quen tốt, giúp trẻ phát triển toàn diện đáp ứng mục tiêu GDMN.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với phụ huynh, cộng đồng để chăm sóc, giáo dục trẻ em tốt nhất;

- Chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động dã ngoại cho trẻ; kết hợp với trường Tiểu học Lương Thế Vinh để tổ chức hoạt động trải nghiệm “Bé làm quen với trường Tiểu học” để trang bị cho trẻ những kỹ năng cơ bản nhất giúp trẻ thích ứng và có tâm thế sẵn sàng trước khi vào lớp 1.

- Tổ chức các hoạt động:

Chú trọng giáo dục bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc, tình yêu quê hương đất nước phù hợp từng lứa tuổi của trẻ thông qua các hoạt động vui chơi, trải nghiệm để xây dựng “dấu ấn” riêng của đơn vị.

Chủ động trong việc áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến; lựa chọn, bổ sung những nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDMN, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình giáo dục nhà trường, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; tham gia giao lưu chuyên môn, học tập chia sẻ kinh nghiệm với các trường bạn trong địa bàn huyện.

Xây dựng mô hình phối hợp giữa nhà trường với gia đình, đoàn thể, tổ chức xã.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các hoạt động chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi có những phẩm chất, năng lực, kỹ năng nền tảng cần thiết để trẻ sẵn sàng vào học lớp một đáp ứng yêu cầu liên thông với Chương trình lớp Một phổ thông. Tiếp tục triển khai Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” trong nhà trường giai đoạn 2020-2024; đẩy mạnh giáo dục kỹ năng sống xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

Triển khai, tổ chức các hoạt động và tham gia có hiệu quả các Hội thi trong năm học 2024 - 2025 thông qua các Hội thi cấp trường, cấp huyện.

*** Chỉ tiêu phấn đấu**

- Phần đầu 100% các nhóm, lớp thực hiện đúng, đủ chương trình GDMN. 100% các lớp tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần, ngày tham khảo, góp ý bổ sung và nhân rộng trong toàn trường;

- Phát động phong trào thi đua xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học, xây dựng môi trường học tập, vui chơi trong và ngoài lớp học theo tiêu chí “xây dựng trường lớp học hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm”;

- Thành lập các câu lạc bộ: Bé yêu dân ca, Họa sĩ nhí,...và tổ chức các ngày hội ngày lễ như: Vui hội trung thu, Hội xuân,... có sự tham gia của các tổ chức, đoàn thể và cha mẹ trẻ;

- Tham gia thi cấp huyện các hội thi do PGD tổ chức.

- Phần đầu chất lượng cuối năm 100% trẻ tại trường được đánh giá là đạt yêu cầu về mục tiêu cuối độ tuổi đã đề ra. Trong đó có 60% trở lên trẻ được tặng các danh hiệu: Bé xuất sắc, Bé vượt trội.

5. Nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Triển khai thực hiện hiệu quả đầy đủ các nội dung tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giáo viên nhân viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên bảo đảm chuẩn nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Tiếp tục thực hiện việc đánh giá đội ngũ CBQL, giáo viên theo quy định.

- Phân công nhiệm vụ đội ngũ giáo viên phù hợp giữa các điểm trường; căn cứ các quy định hiện hành kịp thời tham mưu các cấp, các giải pháp phù hợp để bố trí bảo đảm tối thiểu 02 giáo viên/lớp.

- Đổi mới, sử dụng các hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn linh hoạt để phát huy năng lực, sở trường, lòng đam mê, sáng tạo của đội ngũ CBQL và giáo viên trong nhà trường; nâng cao phẩm chất, năng lực trình độ chuyên môn cho giáo viên; chú trọng các chuyên đề bồi dưỡng về sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học; bồi dưỡng năng lực xây dựng kế hoạch giáo dục, tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; năng lực đánh giá trẻ; năng lực làm chủ cảm xúc trong giao tiếp và ứng xử của CBQL và giáo viên.

- Trang bị các loại tài liệu, học liệu đã được Bộ GDĐT phê duyệt để CBQL, giáo viên học tập, nghiên cứu, tham khảo.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CBQL và giáo viên được tiếp cận và từng bước áp dụng các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến; vận dụng phù hợp với điều kiện ở địa phương, nhà trường để thực hiện Chương trình GDMN hiện hành và sẵn sàng cho việc thực hiện thí điểm chương trình giáo dục mầm non mới khi được phê duyệt.

*** Chỉ tiêu phần đầu**

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ giáo viên giỏi các cấp đã đạt được ở các năm qua; tăng tỷ lệ giáo viên giỏi cấp huyện, tỉnh từ 15% đến 20% tổng số giáo viên toàn trường;

6. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá và hội nhập

- Nghiên cứu, áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để phát triển chương trình nhà trường, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; đẩy mạnh hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non giữa các trường mầm non trong và ngoài huyện.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Thực hiện hiệu quả Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, cụ thể:

- Ứng dụng nền tảng số phục vụ quản trị trong nhà trường. Khai thác hiệu quả môi trường số trở thành thiết yếu trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại đơn vị.

- Huy động các nguồn lực tham gia để tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; tham mưu đầu tư, xây dựng hạ tầng số (*phòng học thông minh, phòng học kết nối, thiết bị số...*).

- Tạo điều kiện, khuyến khích giáo viên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng số, thiết kế giáo án điện tử, số hoá tài liệu, học liệu và các nội dung giáo dục, cân đối khẩu phần ăn, hướng dẫn hỗ trợ cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Tiếp tục sử dụng hiệu quả phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục đã được trang bị (*kiemdinhdaknong.xbot.com.vn*) trong công tác tự đánh giá.

- Tham gia và tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, phát triển kỹ năng số cho đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên trong quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN

- Thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương đến đội ngũ, phụ huynh và nhân dân.

- Đẩy mạnh truyền thông về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong nhà trường; lồng ghép các hình thức và phương tiện truyền thông đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan toả sâu rộng nhằm thúc đẩy công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và đoàn thể, tổ chức xã hội cùng chăm lo phát triển GDMN.

- Truyền thông về việc đổi mới Chương trình GDMN, vai trò của GDMN đối với sự phát triển toàn diện của trẻ, mục tiêu kế hoạch phát triển GDMN đến 2025 và định hướng đến 2030.

8. Thực hiện hiệu quả công tác thống kê, báo cáo về GDMN

Thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ về GDMN theo Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 (tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn); dữ liệu được cập nhật 02 kỳ/năm học (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác; rà soát, thu thập, tổng hợp đầy đủ thông tin hồ sơ về trường học, lớp học, học sinh, đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên), CSVC, tài chính đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở, Phòng;

Thực hiện có hiệu quả hệ thống điều hành quản lý văn bản, thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT (địa chỉ truy cập: <http://pcgd.moet.gov.vn>); cập nhật đầy đủ thông tin về trẻ em, đội ngũ, CSVC...trên hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ;

Thực hiện các báo cáo khác theo đúng thời gian, đúng nội dung theo quy định.

III. Dự kiến các chủ đề thực hiện trong năm học. (Thực hiện chương trình từ 06/09/2024 – 23/5/2025)

1. Khối lá

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
* DINH DƯỠNG - SỨC KHOẺ:	
- MT 1: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm (CTK)	- Trẻ biết: Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng
- MT 2: Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống(CTK)	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường
- MT 3: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh(CTK)	- Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp
- MT 4: Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng ...là những vật dụng nguy	- Không chơi gần bếp là, bếp biện, phích nước nóng...biết tác hại khi đến gần.

hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần và không nghịch các vật sắc nhọn (CTK)	
- MT 5: Biết những nơi như : Hồ ao, bể chứa nước, giếng bụi rậm...là nguy hiểm (CTK)	- Nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...
- MT 6: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh(CTK)	- Biết cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết thức ăn có mùi ôi, ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc, uống rượu, bia cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe
- MT 7: Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ - Biết tránh một số trường hợp không an toàn(CTK)	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp : cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Khi người lạ bế ẵm, cho bánh kẹo, uống nước ngọt, rủ đi chơi - Ra khỏi nhà khu vực trường lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ
- MT 8: Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn(CTK)	- Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi - Đi bộ trên hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy - Không leo trèo cây, ban công, tường rào..
* PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
- MT 9: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp của bản nhạc. (CTK)	- Thực hiện đúng đủ các động tác tay, chân, bụng lườn, bật. - Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp - Cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tai – mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ.

<p>- MT 10: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động (CTK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi lên xuống ván dốc dài 2m rộng 0,3m - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ được thăng người trong 10 giây.
<p>- MT 11: Phối hợp tay- mắt trong vận động(CTK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bắt và ném bóng với người đối diện (Khoảng cách 4m) - Ném trúng đích đứng (xa 2m x 1,5m) - Ném bóng vào rổ - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.
<p>- MT 12: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp. (CTK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ghế thể dục - Đi trong đường hẹp, chạy thay đổi tốc độ hướng đích dặc theo hiệu lệnh. - Chuyển bóng bên phải bên trái, chạy chậm 100m. - Ném xa bằng hai tay, nhảy lò cò 3-4m - Bật xa 45cm, ném xa bằng một tay. - Bò vòng qua 5-6 điểm đích dặc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu
<p>- MT 13: Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian 10 giây (CTK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy 18m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 100-120 m
<p>- MT 14: Phối hợp vận động giữa mắt với bàn tay và bàn chân (CTK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m - Bò đích dặc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5x30cm
<p>- MT 15: Phối hợp tay, mắt, chân, đầu trong vận động.(CTK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bóng bên phải bên trái - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung , đập bắt bóng tại chỗ - Chuyển bóng qua đầu, qua chân.
<p>- MT 16: Thực hiện được các vận động (CTK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay - Gập,mở lần lượt từng ngón tay

<p>- MT 17 :Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động(CTK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép các chữ số chữ cái - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa
<p>- MT 18: Bật xa tối thiểu 50cm (CS1)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật xa 40-50cm, - Bật tách khớp chân 7 ô - Bật qua vật cản 15-20 cm - Bật liên tục vào vòng. - Bật xa, chạy thay đổi tốc độ
<p>- MT 19: Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất (CS4)</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Trèo lên, trèo xuống 7 gióng thang.
<p>- MT 20: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu (CS9)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò 5 m
<p>- MT 21: Đập và bắt được bóng bằng 2 tay (CS10)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn bóng bằng 2 tay và đi theo bóng - Đập bóng xuống sàn và bắt bóng
<p>- MT 22: Đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) (CS11)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc - Đi nói bàn chân tiến lùi. - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Đi chạy thay đổi tốc độ, hướng đích dặc theo hiệu lệnh
<p>2/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI</p>	
<p>- MT 23: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân tên bố tên mẹ địa chỉ nhà hoặc điện thoại (CTK)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, tuổi, giới tính, của bản thân tên bố tên mẹ địa chỉ nhà, số điện thoại

- MT 24: Nói được điều bé thích và không thích những việc gì bé làm được và việc gì bé không làm được (CTK)	- Nói được điều bé thích và không thích thể hiện qua lời nói, nét mặt - Những việc bé có thể làm được và không làm được
- MT 25: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (CTK)	- về dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích, khả năng
- MT 26: Nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường lớp(CTK)	- Trẻ biết tên trường, địa chỉ trường lớp nơi trẻ học...
- MT 27: Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình(CTK)	- Trẻ biết mình là con ai, cháu ai, anh chị em mình có những ai....
- MT 28: Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (CTK)	- Tự giác thực hiện một số công việc đơn giản hàng ngày mà không cần sự nhắc nhở (vệ sinh cá nhân, xếp nệm,chăn...)
- MT 29: Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác (CTK)	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, lời nói,cử chỉ, qua tranh,ảnh ,phim, âm nhạc...
- MT 30: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (CTK)	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, chỗ ở, nơi làm việc qua tranh, ảnh,xem ti vi...
- MT 31: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác (CTK)	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua đọc thơ, hát, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ
- MT 32: Biết một vài cảnh đẹp,di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước) (CTK)	- Nhận ra một vài cảnh đẹp của quê hương di tích lịch sử, lễ hội, đất nước qua tranh ảnh, ti vi...
- MT 33: Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (CTK)	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép

- MT 34: Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác (CTK)	- Chú ý nghe người khác nói bằng cử chỉ, điệu bộ, không nói chen ngang người khác
- MT 35: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận chia sẻ kinh nghiệm với bạn (CTK)	- Biết phối hợp với bạn để thực hiện các hoạt động ở lớp, cùng chơi, trực nhật...
- MT 36: Tiết kiệm trong sinh hoạt (CTK)	- Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.
- MT 37: Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi (CS43)	- Trẻ chủ động trò chuyện với cô và các bạn, trò chuyện với người thân trong gia đình sẵn sàng trả lời khi được hỏi
- MT 38: Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.(CS60)	- Quan tâm giúp đỡ ,chia sẻ với bạn bè -Ý kiến để lấy lại sự công bằng cho bạn

3/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP

- MT 39: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại (CTK)	- Chú ý lắng nghe và biết nhận xét về ý kiến của người đối thoại
- MT 40: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được (CTK)	- Trẻ biết kể rõ ràng theo trình tự sự việc, hiện tượng mà trẻ biết
- MT 41: Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh (CTK)	- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động chơi, hoạt động góc, hoạt động học , hoạt động ngoài trời..
- MT 42: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (CTK)	- Sử dụng các loại câu phù hợp trong giao tiếp hằng ngày
- MT 43: Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái ...của nhân vật (CTK)	- Biết miêu tả sự việc về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật trẻ được nghe, được kể...
- MT 44: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao (CTK)	- Trẻ đọc thuộc và biểu cảm các bài thơ, đồng giao, ca dao theo các chủ đề.
- MT 45: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt các sự	- Trẻ biết kể chuyện sáng tạo, kể theo ý thích, hiểu biết của trẻ.

kiện... trong nội dung truyện (CTK)	
- MT 46: Đóng được vai của nhân vật trong truyện (CTK)	- Biết đóng theo vai các nhân vật trong truyện qua giọng nói cử chỉ, điệu bộ...
- MT 47: Sử dụng các từ “ Cảm ơn”, “xin lỗi”, “ Xin phép”, “ Thưa”, “ Dạ”, “ Vâng”...Phù hợp với tình huống (CTK)	- Trong các tình huống giao tiếp trẻ biết sử dụng các từ : cảm ơn, xin lỗi, xin phép, dạ, vâng... phù hợp.
- MT 48: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh (CTK)	- Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh như: nói nhỏ khi nhà có người ốm...
- MT 49: Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân (CTK)	- Kể lại truyện đã được nghe theo theo trình tự - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Kể lại sự việc theo trình tự - Kể lại chuyện sáng tạo
- MT 50: Biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách (CTK)	- Trẻ biết cầm sách, giở sách và đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách
- MT 51: Nhận ra ký hiệu thông thường (CTK)	- Như nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra- vào, cấm lửa, biển báo giao thông
- MT 52: Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt (CTK)	-Trẻ nhận dạng được 29 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. Trẻ biết phát âm các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.
- MT 53: Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình (CTK)	- Trẻ biết cầm bút tô, đồ, sao chép ký hiệu chữ cái, tên của trẻ
- MT 54: Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi (CS61)	- Các sắc thái biểu cảm của lời nói khi giao tiếp: khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi
- MT 55: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ (CS64)	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Biết đọc ngắt nghỉ sau các dấu.

<p>- MT 56: Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân.(CS87)</p>	<p>- Biết tự tạo ra những ký hiệu, mẫu ký tự,... để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân. - Diễn giải được ý mình “viết” ra</p>
<p>4/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</p>	
<p>- MT 57: Tò mò, tìm tòi khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh (CTK)</p>	<p>- Hay đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng : Tại sao có mưa, sao có sấm chớp, cầu vồng...</p>
<p>- MT 58: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng (CTK)</p>	<p>- Trẻ biết sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng</p>
<p>- MT 59: Làm thí nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận (CTK)</p>	<p>- Như : Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự khác biệt</p>
<p>- MT 60: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau. (CTK)</p>	<p>- Biết xem sách, tranh ảnh, băng hình trò chuyện và thảo luận</p>
<p>-MT 61: Phân loại được các đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau. (CTK)</p>	<p>- Biết phân loại đồ dùng, đồ chơi theo các dấu hiệu khác nhau - So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi</p>
<p>- MT 62: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng (CTK)</p>	<p>- Biết nhận xét mối quan hệ của sự vật hiện tượng ví dụ: “ nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi</p>
<p>- MT 63: Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau (CTK)</p>	<p>- Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn....</p>
<p>- MT 64: Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. (CTK)</p>	<p>- Trẻ biết phân biệt sự giống và khác nhau của 1 số đối tượng được quan sát. - So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi - Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng ,đồ chơi</p>

<p>- MT 65: Thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi âm nhạc và tạo hình (CTK)</p>	<p>- Thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi âm nhạc và tạo hình</p>
<p>- MT 66: Nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện (CTK)</p>	<p>- Trẻ biết được sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình và người khác. - Biết vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.</p>
<p>- MT 67: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình(CTK)</p>	<p>- Trẻ biết tên, tuổi, giới tính của các thành viên trong gia đình. Biết công việc của các thành viên</p>
<p>- MT 68: Nói được địa chỉ gia đình mình, số điện thoại.. (CTK)</p>	<p>- Biết được số nhà , đường, phố/ thôn xóm, số điện thoại (nếu có) khi được hỏi, trò chuyện</p>
<p>- MT 69: Nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường lớp(CTK)</p>	<p>- Trẻ biết tên trường, địa chỉ trường lớp nơi trẻ học...</p>
<p>- MT 70: Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện(CTK)</p>	<p>- Trẻ biết tên, công việc của các cô giáo, công nhân viên trong trường</p>
<p>- MT 71: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp (CTK)</p>	<p>- Trẻ biết tên các bạn trong lớp, đặc điểm nổi bật của từng bạn, giới tính... Khi được hỏi</p>
<p>- MT 72: Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề (CTK)</p>	<p>- Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây lên những ngôi nhà mới....</p>
<p>- MT 73: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật trong dịp lễ hội (CTK)</p>	<p>- Ngày 2/9 cả xã treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm cho đi chơi....</p>
<p>- MT 74: Kể tên và nêu một vài đặc điểm đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước (CTK)</p>	<p>- Biết 1 số di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước như Hồ Gươm, Lăng Bác, Chùa Một Cột....</p>
<p>- MT 75: Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung (CS92)</p>	<p>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu - Chăm sóc và bảo vệ con vật, cây
- MT 76: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên (CS93)	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển của cây, con vật ; điều kiện sống của một số cây, con vật - Một số hiện tượng tự nhiên tự nhiên như không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Chăm sóc và bảo vệ con vật, cây, môi trường
- MT 77: Nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống (CS94)	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa . - Trẻ biết được Tây Nguyên có 2 mùa: Mùa mưa và mùa khô - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa
- MT 78: Thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh.(CS 113)	Thích tìm hiểu, khám phá cái mới lạ. Hay đặt câu hỏi tại sao? Như thế nào?
- MT 79: Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra (CS95)	- Đặc điểm và sự thay đổi một số hiện tượng tự nhiên : Mưa, bão ...
- MT 80: Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi : Bao nhiêu, Đây là mấy ...(CTK)	- Trẻ thích thú với các con số trong hoạt động học và mọi lúc mọi nơi
- MT 81: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng (CTK)	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...)
- MT 82: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng nhiều cách khác nhau và nói được các từ :bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất (CTK)	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất

<p>- MT 83: Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm (CTK)</p>	<p>- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng nhiều cách khác nhau và đếm Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 đếm và nói kết quả</p>
<p>- MT 84: Nhận biết các số từ 5- 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự - Nhận biết được các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. (CTK)</p>	<p>- Trẻ nhận biết các số từ 5- 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự</p>
<p>- MT 85: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu (CTK)</p>	<p>- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất</p>
<p>- MT 86: Nhận ra quy tắc sắp xếp mẫu và sao chép lại - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp (CTK)</p>	<p>- Biết sao chép lại theo mẫu</p>
<p>- MT 87: Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả (CTK)</p>	<p>- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo.</p>
<p>- MT 88: Gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau và khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật (CTK)</p>	<p>- Nhận biết, gọi tên hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</p>
<p>- MT 89: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn(CTK)</p>	<p>- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước- phía sau ; phía trên – phía dưới ;phía phải -phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác với một vật đó làm chuẩn.</p>
<p>- MT 90: Gọi đúng tên các thứ tự trong tuần, các mùa trong năm</p>	<p>- Nhận biết hôm qua hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm</p>

<p>- MT 91: Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại (CS115)</p>	<p>- Nhận biết, phân loại các đối tượng theo đặc điểm, cấu tạo...</p>
<p>5/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ</p>	
<p>- MT 92: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng (CTK)</p>	<p>- Trẻ thích thú vỗ tay, reo hò, tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng</p>
<p>- MT 93: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện (CTK)</p>	<p>Chú ý nghe thích thú (hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu</p>
<p>- MT 94: Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. (CTK)</p>	<p>- Trẻ thích thú ngắm nhìn và nói lên được cảm xúc của mình trước các tác phẩm tạo hình đẹp...</p>
<p>- MT 95: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... (CTK)</p>	<p>- Hát đúng giai điệu bài hát: Đúng nhịp, cao độ, trường độ... - Thể hiện được sắc thái biểu cảm của bài hát trẻ thể hiện</p>
<p>- MT 96: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức khác nhau (CTK)</p>	<p>- Vận động theo nhạc bằng các hình thức khác nhau: Vỗ tay theo nhịp; theo tiết tấu chậm, tiết tấu nhanh, tiết tấu phối hợp; vận động minh họa, múa..</p>
<p>- MT 97: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm (CTK)</p>	<p>- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm</p>

- MT 98: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối (CTK)	- Phối hợp các kỹ năng vẽ (nét ngang, thẳng, xiên...) để tạo ra sản phẩm có màu sắc,kích thước ,hình dáng /đường nét và bố cục cân đối
- MT 99: Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối (CTK)	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc,kích thước ,hình dáng /đường nét và bố cục cân đối
- MT 100: Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối (CTK)	Phối hợp các kỹ năng nặn: (Xoay tròn ,lăng dọc,ấn bẹt,chia đất...)để tạo ra sản phẩm có màu sắc,kích thước ,hình dáng /đường nét và bố cục cân đối
- MT 101: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối (CTK)	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình:(Xếp chồng ,xếp cạnh nhau...) để tạo thành các sản phẩm tạo hình về màu sắc,hình dáng bố cục cân đối.
- MT 102 : Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục (CTK)	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về hình dáng, màu sắc bố cục...
- MT 103 : Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích (CTK)	- Các hình thức như vỗ tay, gõ đệm...
- MT 104: Tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6)	- Các kỹ năng tô màu : Tư thế ngồi, cách cầm bút chì – màu, cách tô màu -Tô hình vẽ trong vở tập tô chữ cái, tô vẽ màu tranh, bé tập tạo hình, góc vui chơi
- MT 105: Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản (CS7)	- Các kỹ năng cầm kéo, kỹ năng cắt theo đường viền thẳng, cong - Cắt rời các hình vẽ, tranh ảnh, hình hình học.
- MT 106: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn (CS8)	- Cách bôi hồ vào mặt trái của hình và dán vào vị trí cho trước, không bị nhăn

**DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ - THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM
HỌC 2024-2025**

Stt	CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	NHÁNH	TUẦN	THỜI GIAN
1	Trường Mầm Non	3 Tuần	Tuần 1: Ngày hội đến trường của bé	1	Từ 05 – 06/09
			Tuần 2: Trường MN Vành Khuyên của bé	2	Từ 09 – 13/09
			Tuần 3: Trưng thu của bé	3	Từ 16 - 20/09
			Tuần 4: Lớp học thân yêu của bé	4	Từ 23 – 27/09
2	Bản thân	3 Tuần	Tuần 1: Tôi là ai?	5	Từ 30/09 – 04/10
			Tuần 2: Cơ thể tôi và bạn	6	Từ 7 – 11/10
			Tuần 3: Bé cần gì lớn lên để khỏe mạnh	7	Từ 14 – 18/10
3	Gia đình	3 Tuần	Tuần 1: Gia đình của bé	8	Từ 21 – 25/10
			Tuần 2: Đồ dùng gia đình	9	Từ 28 – 01/11
			Tuần 3: Họ hàng gia đình bé	10	Từ 04 – 08/11
4	Nghề nghiệp	4 Tuần	Tuần 1: Bác nông dân chăm chỉ	11	Từ 11 –15/11
			Tuần 2: Cô giáo của bé	12	Từ 18 – 22/11
			Tuần 3: Bé tập làm bác sĩ	13	Từ 25 - 29/11
			Tuần 4: Bé yêu chú bộ đội	14	Từ 02 – 06/12
5	Thế giới động vật	4 Tuần	Tuần 1: Vật nuôi trong gia đình	15	Từ 09 – 13/12
			Tuần 2: Những con thú trong rừng	16	Từ 16 – 20/12
			Tuần 3: Con gì sống dưới nước	17	Từ 23 - 27/12
			Tuần 4: Côn trùng - Chim	18	Từ 30/12 - 03/01/2025

6	Thế giới thực vật, Tết và mùa xuân	5 Tuần	Tuần 1: Cây xanh và cây lương thực	19	Từ 06 - 10/01
			Tuần 2: Một số loại rau củ	20	Từ 13 - 17/01
			Tuần 3: Tết và Mùa xuân	21	Từ 20 - 24/01
			Nghỉ Tết Nguyên Đán từ ngày 25/01 đến ngày 05/02/2025		
7	Giao thông	4 Tuần	Tuần 4: Một số loại hoa	22	Từ 06 - 07/02
			Tuần 5: Một số loại quả	23	Từ 10 - 14/02
			Tuần 1: Bé tìm hiểu luật giao thông	24	Từ 17 - 21/02
			Tuần 2: Phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt	25	Từ 24 - 28/02
			Tuần 3: Phương tiện giao thông đường thủy	26	Từ 03 - 07/03
			Tuần 4 : Phương tiện giao thông đường hàng không	27	Từ 10 - 14/03
8	Hiện tượng tự nhiên	3 Tuần	Tuần 1: Bé biết gì về các nguồn nước	28	Từ 17 - 21/03
			Tuần 2: Hiện tượng tự nhiên	29	Từ 24 - 28/03
			Tuần 3: Các mùa trong năm	30	Từ 31/03 - 04/04
9	Quê hương đất nước - Bác Hồ	3 Tuần	Tuần 1: Đắc Song quê em	31	Từ 07 - 11/04
			Tuần 2: Đất nước Việt Nam diệu kỳ	32	Từ 14 - 18/04
			Tuần 3: Bác Hồ của em	33	Từ 21 - 25/04
10	Trường tiểu học	2 Tuần	Tuần 1: Bé làm quen trường tiểu học	34	Từ 28/04 - 02/05
			Tuần 2: Bé làm quen đồ dùng lớp 1	35	Từ 05 - 09/05

2. Khối chòi

SỐ TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển vận động:		
1.1 Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
1	MT1: Các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bài hát, bản nhạc	<ul style="list-style-type: none"> + Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay. + Bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Bước lên phía trước, bước sang ngang; + Ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân.
1.2 Các kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động		
2	MT2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể, : Kiểm soát được vận động khi đi thay đổi hướng, nhanh nhẹn, khéo léo khi thực hiện vận động	<ul style="list-style-type: none"> + Đi bằng gót chân liên tục 3m. + Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. + Đi thay đổi hướng theo đường đích dắc. + Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích dắc).
3	MT3: Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động tung, ném, bắt, chuyền bóng với người khác, biết tự đập và bắt bóng	<ul style="list-style-type: none"> + Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng. + Tung bóng lên cao và bắt + Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên tiếp. + Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân. + Ném trúng đích đứng (xa 1,5mxcao 1,2m) + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
4	MT4: Trẻ thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp chạy liên tục ném/ bò.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng trong 10 giây - Ném trúng đích ngang (xa 2m). - Bò trong đường đích dắc (3 – 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.
5	MT5: Trẻ biết phối hợp tay, chân, mắt bò, trườn, trèo	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn: + Bò, trườn theo hướng thẳng.

	nhẹ nhàng, khéo léo linh hoạt, định hướng được trong không gian.	<ul style="list-style-type: none"> +Bò chui qua cổng +Bò bằng bàn tay, cẳng chân trong đường hẹp (3 - 4 m). +Bò trong đường dích dắc (5 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. - Trèo qua ghế dài 1,5 m x 30 cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang.
6	MT6: Trẻ thực hiện được các kỹ năng vận động khi bật, nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước - Bật xa 35 – 40m - Bật nhảy từ trên cao xuống (30 – 35cm) - Bật tách khớp chân qua 5 ô - Bật qua vật cản cao 10 – 15m - Nhảy lò cò 3m - Nhảy lò cò 3-4 bước liên tục.
1.3 Các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
7	MT7: Trẻ phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động.	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình người, nhà, cây - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp với 10 – 12 khối - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.		
2.1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
8	MT8: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm, Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Như rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, kho, rán, gạo nấu cháo, cơm...	<ul style="list-style-type: none"> +Một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe (ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.) + Một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Thịt, cá có nhiều chất đạm. - Rau quả chín có nhiều vitamin + Một số bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. + Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
2.2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
9	MT9: Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt +Tự rửa tay bằng xà phòng. +Tự lau mặt, đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.

10	MT10: Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.	+ Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn lên bàn hoặc xuống đất.
2.3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
11	MT11: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống	+Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. +Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... +Không uống nước lã.
12	MT12: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Tập làm một số công việc tự phục vụ trong sinh hoạt. + Luyện tập kỹ năng đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. + Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn... - Giữ gìn sức khỏe và an toàn. + Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe..
2.4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
13	MT13: Trẻ kể được tên và bước đầu biết tránh một số vật dụng gây nguy hiểm, một số nơi không an toàn. Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. -Nhận ra và không chơi gần những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng như: ao hồ, bể chứa nước, giếng...là nơi nguy hiểm không được gần.
14	MT14: Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	+ Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. +Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. +Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
15	MT20: Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... +Không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.

II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

1. Khám phá khoa học

1.1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

16	MT16: Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng : “Vì sao cây lại héo?”; “ Vì sao lá cây bị ướn?”	+ Một số môi quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?
17	MT17: Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật hiện tượng xung quanh.	- Các bộ phận cơ thể của con người. + Các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đồ vật. + Một số đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa các đặc điểm, cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 – 2 dấu hiệu. + Một số phương tiện giao thông quen thuộc. + Phân loại phương tiện giao thông theo 1 – 2 dấu hiệu. - Động vật và thực vật. + Một số cây, hoa, quả, con vật. + So sánh sự giống nhau và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. + Phân loại con vật, cây, hoa, quả theo 1 – 2 dấu hiệu. + Quan sát mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây, con vật. - Một số hiện tượng tự nhiên. + Hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. + Các nguồn nước trong môi trường sống. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. + Một số đặc điểm, tính chất của nước.

		<ul style="list-style-type: none"> + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. + Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
18	MT18: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, ném... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> + Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể như (đầu mình, tay, chân); (đầu: tóc, mắt để nhìn, tai để nghe, mũi để ngửi, miệng để ăn...); (tay: để làm việc; chân để đi...) + Tất cả các chức năng được phối hợp cảm, nhìn, sờ, ném, ngửi để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.
19	MT19: Trẻ biết làm các thí nghiệm đơn giản và sử dụng các công cụ để quan sát, so sánh, dự đoán....	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm các chất tan trong nước - Thí nghiệm vật chìm, vật nổi trong nước - Thí nghiệm gieo hạt - Ghi kết quả thí nghiệm bằng các sơ đồ đơn giản.
<i>1.2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng</i>		
20	MT20: Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Như cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn.
21	MT21: Trẻ sử dụng được các cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết các vấn đề đơn giản xảy ra trong quá trình chơi, quá trình học. - Giải quyết các vấn đề đơn giản xảy ra trong các hoạt động hàng ngày của trẻ.
22	MT22: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. Trẻ nhận biết đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	<ul style="list-style-type: none"> So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2 con vật. cây, hoa, quả + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Đặc điểm chất liệu của đồ dùng đồ chơi (thủy tinh, sứ, nhựa cứng, nhựa mềm, gỗ, inox, sắt, nhôm...) (dễ trầy xước, dễ vỡ, khó vỡ) + Tên gọi của từng loại + Làm đồ dùng trong cuộc sống hàng ngày (chén, tô, thìa, PT nghe nhìn, PTGT, vật dụng trong gia đình tủ, giường, bàn ghế...), dùng làm PTGT, dùng đựng hàng hóa, đồ chơi + Ích lợi các đồ dùng trên
23	MT23: Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện hiểu biết về vai chơi qua trò chơi đóng vai theo chủ đề, xây dựng.

	các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Hát, vận động các bài hát về các chủ đề. - Vẽ, xé dán, ghép hình về các chủ đề.
24	MT24: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại các phương tiện giao thông theo nơi đi chuyên - Một số đặc điểm của cát, đá, sỏi - Phân loại các nhóm đồ dùng gia đình theo công dụng - Phân loại các đồ dùng phục vụ nghề nghiệp - Sự khác nhau giữa ngày và đêm
25	MT25: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây.	- Biết cây cối quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Biết quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa cây cối và môi trường sống của chúng. - Biết tham gia vào công việc chăm sóc cây trồng gần gũi, quen thuộc. Biết bày tỏ thái độ quan tâm, bảo vệ, chăm sóc cây cối.
26	MT26: Trẻ nhận biết một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết, mùa. Trẻ nhận biết ngày và đêm.	+Một số hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. +Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm.
27	MT27: Trẻ nhận biết sự ảnh hưởng của không khí, ánh sáng đối với con người và động thực vật	+Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. +Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây
28	MT28: Trẻ nhận biết các nguồn nước trong thiên nhiên, nước sinh hoạt	+Các nguồn nước trong môi trường sống (29ang, biển, ao hồ; nước trong sinh hoạt....). +Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. +Một số đặc điểm, tính chất của nước (lạnh, nóng, đông dễ tan chảy, bốc hơi, chuyển màu...). +Một số thí nghiệm về nước +Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
2. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán		
2.1. Nhận biết số đếm, số lượng		
29	MT29: Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh. Trẻ đếm số lượng của nhóm đồ dùng, đồ chơi xem có bao nhiêu cái,

	vật ở xung quanh hỏi : “Bao nhiêu”; “là số mấy?”.	quan sát xung quanh có những chữ số nào, số mấy?
30	MT30: Đếm trên số lượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm đồ dùng đồ chơi, số lượng cây, quả...trong phạm vi 10 - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm số lượng trên tranh, ảnh. - Đếm theo khả năng của trẻ
31	MT31: So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 . - Nói được nhóm nào có nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau
32	MT32: Trẻ biết gộp, tách hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 hoặc 2 nhóm nhỏ đếm và nói kết quả.	- Gộp hoặc tách hai nhóm đối tượng có số lượng 2, 3, 4, 5, đếm và hoặc 2 nhóm nhỏ đếm, nói kết quả.
33	MT33: Trẻ biết sử dụng các số từ 1 – 5 để chỉ số lượng, số thứ tự	- Đếm và nói đúng số lượng trong phạm vi 5 - Đọc được các chữ số từ 1 – 5 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được. - Nhận biết số thứ tự.
34	MT34: Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày như : số điện thoại của bố mẹ, số nhà, biển số xe,...
2.2. Sắp xếp theo quy tắc		
35	MT35: Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- Sắp xếp theo độ lớn, chiều dài của 3 đối tượng - Quy tắc sắp xếp của các hình trong trang trí khung ảnh, xúc xích trang trí lớp... - Quy tắc sắp xếp của các đồ dùng, đồ chơi. - Xếp theo quy tắc 1-1,2-2,3-3, 1-2,1-3,2-3... - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Nhận ra quy tắc sắp xếp của 3 đối tượng.
2.3. So sánh hai đối tượng		
36	MT36: Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh .	+ Đo dung tích bằng một vật bằng các dụng cụ đo khác nhau + Đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo (trẻ đi lấy gỗ, thước đo) Trẻ đo gỗ giúp các bạn (Cô quan sát kỹ năng đo của trẻ, giúp trẻ yếu) Vậy chiều dài của cây gỗ màu đỏ dài bằng mấy lần chiều dài của thước đo ? (Chiều dài của

		<p>cây gỗ màu đỏ dài bằng 9 lần chiều dài của thước đo)</p> <p>- Chiều dài cây gỗ màu xanh dài bằng mấy lần chiều dài của thước đo? (chiều dài của cây gỗ màu xanh dài bằng 8 lần chiều dài của thước đo)</p> <p>- Còn chiều dài cây gỗ màu vàng dài bằng mấy lần chiều dài của thước đo? (chiều dài của cây gỗ màu vàng dài bằng 7 lần chiều dài của thước đo)</p> <p>- Chiều dài của cây gỗ nào dài nhất? vì sao con biết?</p> <p>- Chiều dài của cây gỗ nào ngắn nhất? Tại sao?</p> <p>Chiều dài của cây gỗ nào dài hơn chiều dài cây gỗ vàng, ngắn hơn chiều dài của cây gỗ đỏ</p> <p>- Khi đo các vật có độ dài khác nhau cùng một đơn vị đo thì cho ta kết quả như thế nào?</p>
2.4. Nhận biết hình dạng		
37	MT37: Trẻ chỉ ra điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (hình tròn và tam giác, vuông và chữ nhật)	-So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình, Phân biệt hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật
2.5. Trẻ biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
38	MT38: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	+Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). +Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.
39	MT39: Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	+Ngày và đêm (sinh hoạt trong ngày. Ban ngày: Bé đến trường mầm non; Bé ăn cơm; Bé tắm rửa; đi chơi...Ban đêm bé ngủ...)
3. Khám phá xã hội		
3.1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường, lớp MN và cộng đồng.		
40	MT40: Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được trò chuyện.	-Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể -Nhận biết sở thích, khả năng của bản thân và bạn bè.
41	MT41: Trẻ nói tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân gia đình, nghề nghiệp sở thích của bố, mẹ, của các thành viên trong gia đình. Một số nhu cầu của gia đình - Biết khả năng, sở thích của bố, mẹ, của các thành viên trong gia đình.

42	MT42: Trẻ nói địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện. Số nhà, đường phố, thôn, xóm...
43	MT43: Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Những đặc điểm nổi bật của trường, các hoạt động của trẻ ở trường.
44	MT44: Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi.
45	MT45: Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. Đặc điểm, sở thích của các bạn,
3.2. Nhận biết một số nghề truyền thống ở địa phương		
46	MT46: Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi của một số nghề khi được hỏi.	+Một số nghề trong xã hội (Công nhân; chăm sóc cộng đồng, nông dân,) + Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. +Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.
47	MT47: Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	- Trò chuyện về tết trung thu, ngày hội đèn trường, ngày nhà giáo Việt Nam, ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam, Tết nguyên đán - Tham gia các ngày lễ hội tại trường: Ngày hội đèn trường, tết trung thu...
48	MT48: Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	+Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh. +Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. +Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương - Một số tên gọi danh lam thắng cảnh đẹp, di tích lịch sử gần gũi)
49	MT49: Trẻ biết Bác Hồ là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.	- Trò chuyện về Bác Hồ: + Bác là lãnh tụ của đất nước Việt Nam + Bác rất yêu thiếu nhi + Bác đã mất và lăng Bác đặt ở Hà Nội. - Trò chuyện về tình cảm của trẻ đối với Bác Hồ.

III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN GIAO TIẾP NGÔN NGỮ

1. Nghe hiểu lời nói

50	MT50: Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng màu xanh, ném vào rổ màu đỏ” .	+Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản (nghe nhiều loại âm khác nhau trong các từ, các câu) +Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. +Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm +Nghe và làm theo 2 lời chỉ dẫn trở lên “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. + Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.
51	MT51: Hiểu nghĩa từ khái quát rau quả, con vật, đồ gỗ...phù hợp với các chủ điểm	+ Hiểu nghĩa từ khái quát: (rau ăn lá, rau ăn củ, gia súc, gia cầm,) +Đồ dùng trong gia đình, đồ dùng để ăn, phương tiện giao thông đường bộ, PTGT đường sắt..., Ga tàu lửa, bến cảng, luật giao thông, +Danh lam thắng cảnh; khu du lịch...
52	MT52: Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	+Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Theo từng chủ điểm +Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi theo từng chủ điểm. +Hiểu nội dung bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè

2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày

53	MT53: Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	+Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. +Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. +Các âm thanh, ngữ điệu giọng nói khác nhau +Độ to nhỏ, nhanh chậm của giọng nói, giọng đọc +Giọng hiền lành, hung dữ, nóng giận, buồn thảm...
54	MT54: Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	+Những câu ghép (những bông hoa sao bé xíu; hoa mào gà đỏ chói) +Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống, khác nhau? Do đâu mà có? +Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì?

		+Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Để làm gì?.
55	MT55: Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu... thì...; bởi vì...; tại vì...;) trong giao tiếp hàng ngày. - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...) - Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại... - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa .
56	MT56: Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc theo trình tự thời gian. - Kể lại sự việc theo trình tự không gian. - Kể được thứ tự của sự việc từ truyện tranh và sử dụng lời nói để diễn đạt nội dung câu chuyện. Trẻ đọc thơ, kể nối tiếp theo bức tranh,....
57	MT57: Trẻ đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với các chủ điểm
58	MT58: Trẻ kể được chuyện có mở đầu, kết thúc. Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	+Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ. +Kể lại truyện đã được nghe. + Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. +Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. +Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. +Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh. +Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. +Đóng kịch; Thể hiện cử chỉ điệu bộ
59	MT59: Sử dụng các từ: Mời cô“ „, mời bạn“; “cảm ơn“; “xin lỗi“ trong giao tiếp	+Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. +Thể hiện lễ phép (Mời cô, xin lỗi, cảm ơn, vâng dạ thưa với người lớn) trong giao tiếp khi người lớn nhắc nhở +Tự tin trong giao tiếp +Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
60	MT60: Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	+Mạnh dạn, trả lời câu hỏi +Phát âm rõ ràng, đủ nghe, không nơi lí nhí +Kể lại sự việc một cách rõ ràng mạch lạc +Kể lại truyện đã được nghe một cách rõ ràng, mạch lạc, diễn cảm +Kể chuyện sáng tạo theo đồ vật, tranh ảnh, theo chủ đề, theo kinh nghiệm bản thân
3. Làm quen với đọc, viết		

61	MT61: Trẻ biết chọn sách để xem.	<ul style="list-style-type: none"> +Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. +Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: +Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. +Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. +Giữ gìn, bảo vệ sách
62	MT62: Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên câu chuyện, các nhân vật trong tranh, truyện. - Mô tả hành động của các nhân vật trong truyện: Hành động của Dê trắng, dê đen, chó sói...
63	MT63: Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	<ul style="list-style-type: none"> +Tập tô, tập đồ các nét chữ. +Nhận dạng một số chữ cái. +Một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..
64	MT64: Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ.
65	MT65: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	<ul style="list-style-type: none"> +Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. +Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. +“Đọc” truyện qua các tranh vẽ.
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
66	MT66: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được thông tin về bố mẹ + Tên tuổi, giới tính + Khả năng của bản thân. + Những điều trẻ thích, không thích. - Trẻ nói được tên của bố, mẹ trẻ.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
67	MT67: Trẻ thể hiện được sự tự tin, tự lực vào bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. - Phát biểu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại. - Cố gắng hoàn thành các công việc được giao: Trục nhật, dọn đồ dùng đồ chơi, xếp bàn ăn...
3. Nhận biết thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh		
68	MT68: Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với	<ul style="list-style-type: none"> +Một số tâm trạng của bạn bè, người thân (buồn hay vui)

	con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	+Biết an ủi chia sẻ phù hợp với họ +An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói hoặc cử chỉ +Chúc mừng đồng viên khen ngợi hoặc reo hò cổ vũ bạn, người thân khi có niềm vui: ngày sinh nhật có em bé mới sinh, có bộ quần áo mới, chiến thắng trong cuộc thi, hoàn thành một sản phẩm tạo hình...
69	MT69: Trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.	- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên...) qua nét mặt cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên... - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Yêu mến, quan tâm đến cô giáo và các bạn ở trường mầm non. - Yêu quý các cô bác làm ở các nghề khác nhau. - Yêu quý các con vật xung quanh trẻ. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - Yêu thích nghe kể và đọc truyện về các chủ đề.
70	MT70: Trẻ biết thể hiện tình cảm với quê hương, Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm với quê hương, đất nước. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua đọc thơ, hát, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ
71	MT71: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	+Một số ngày lễ hội, nhân vật lịch sử danh lam thắng cảnh +Một số món ăn truyền thống (Nem Ninh Hòa, Bún Cá, hải sản...)
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
72	MT72: Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	+Một số quy định ở lớp và gia đình để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ (hội đến trường, 20/11, 8/3, 20/10, 22/12...) +Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. (các ngày kỉ niệm của gia đình, sinh nhật, giỗ) +Một số lời chúc mừng và đáp lại lời chúc mừng của những người thân trong gia đình, bạn bè, cô giáo... +Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.

73	MT73: Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở gia đình: Biết chào hỏi lễ phép; vâng lời ông bà, cha mẹ... - Một số quy định ở lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Chào hỏi lễ phép, cảm ơn, xin lỗi. + Giờ ngủ không được làm ồn. + Chú ý nghe cô và bạn nói. + Chờ đến lượt khi được nhắc nhở. + Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện các hoạt động. + Cát đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định + Không tranh giành đồ chơi với bạn khi chơi. - Bỏ rác đúng nơi quy định - Không hái hoa, bẻ cành - Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. - Biết chào hỏi người lớn. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Biết chờ đến lượt. - Biết cảm ơn, xin lỗi. - Phân biệt được hành vi đúng sai – Sai , tốt – xấu.
	Trẻ biết một số quy tắc ứng xử xã hội.	

5. Quan tâm đến môi trường

74	MT84: Trẻ biết thể hiện sự quan tâm của mình đến môi trường xung quanh.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm và bảo vệ môi trường + Tiết kiệm nước, điện. + Giữ gìn vệ sinh môi trường. + Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối. - Thích chăm sóc cây, con, vật quen thuộc
----	--	--

V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ.

1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.

75	MT75: Trẻ cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ gợi cảm để nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm, ngắm nhìn cái đẹp. - Vui sướng vỗ tay, làm động tác mô phỏng khi nghe âm thanh gợi cảm, nhìn thấy cái đẹp. - Thích thú, chú ý nghe, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. - Trẻ hát theo cô, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp khi nghe cô hát hoặc nghe qua băng, đĩa.
----	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, nhạc cổ điển, dân ca...). - Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng của các tác phẩm tạo hình. - Thích thú, chú ý xem các vở kịch, múa rối, đoạn phim...
<p>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).</p>		
76	<p>MT76: Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. + Thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ + Tư thế hát tự nhiên, hát đúng giai điệu, bài hát phù hợp lứa tuổi + Hát vừa đủ nghe, không hét + Thể hiện một vài cử động của thân thể phù hợp với lời bài hát
77	<p>MT77: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. + Tự chọn các động tác để minh họa + Vỗ tay đúng theo nhịp, phách, tiết tấu chậm + Múa minh họa các bài đơn giản (nhún nhảy, dậm chân, vẫy cánh tay, cuộn cổ tay) + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm. (2)
78	<p>MT78: Trẻ biết phối hợp các nét khi vẽ. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp các nét thẳng, nét xiên, nét ngang, nét cong tròn tạo thành bức tranh có bố cục và màu sắc. - Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều, gọn trong hình, không lem ra ngoài nét vẽ. + Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. + Sử dụng bút màu, màu nước tạo thành các sản phẩm bằng các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản, phù hợp với chủ đề + Vẽ hình trên nền gạch, cát... + Vẽ hình nhân vật trong truyện

<p>79</p>	<p>MT79: Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. Trẻ biết làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.</p> <p>Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> +Xé theo dải làm cây, biển, mây, chổi, rèm cửa, tóc búp bê... +Xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản + Xé dải -> xé vụn -> dán lên hình cây, lên đĩa tròn, hình ô tô (cây xanh, lá rụng, trang trí váy...hoa;...) phù hợp với chủ điểm + Xé dán hình đơn giản: hình cây to, trang trí ô tô, dán tổ chim... - Bôi hồ vào mặt trái - Xếp các chi tiết không chồng lên nhau. - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu +Một số kỹ năng cơ bản lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối phù hợp với chủ điểm +Sử dụng bảng con để lăn +Lăn trong lòng bàn tay +Véo đất to thành nhỏ -> đặt viên nọ lên viên kia -> lăn trên bảng, ấn dẹt, chia đất, gộp đất +Lăn dọc thành cây bút, viên phấn, con giun +Lăn xoay tròn thành hòn bi quả, kẹo... +Ấn dẹt thành bánh, bánh xe kích thước to nhỏ +Thao tác phối hợp lăn dọc, uốn cong, xoay tròn, ấn dẹt...tạo thành vòng, quả cam có cuống, đồ chơi +Dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn các sản phẩm theo từng đối tượng - Đặt tên cho sản phẩm: Trả lời được câu hỏi con vẽ/ nặn/xé dán cái gì? Của sản phẩm tạo hình/xây dựng. - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về hình dáng, màu sắc, đường nét, bố cục...
<p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động nghệ thuật</p>		
<p>80</p>	<p>MT80: Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát</p> <p>Trẻ biết thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động tạo hình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát - Lựa chọn nguyên vật liệu và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích - Nói lên được ý tưởng về sản phẩm tạo hình của mình - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC KHỞI CHỞI

STT	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	THỜI GIAN	Ghi chú
1	TRƯỜNG MẦM NON (3 tuần)	Trường MN Vành Khuyên của bé	1	09 - 13/09/2024	
		Bé vui cùng Trung Thu	2	16-20/09/2024	
		Lớp học của bé	3	23-27/09/2024	
2	BẢN THÂN (3 tuần)	Bé là ai?	4	30/09-04/10/2024	
		Cơ thể của bé	5	07-11/10/2024	
		Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh	6	14-18/10/2024	
3	GIA ĐÌNH (4 tuần)	Gia đình của bé	7	21-25/10/2024	
		Ngôi nhà của bé	8	28/10-01/11/2024	
		Đồ dùng gia đình bé	9	04-08/11/2024	
		Họ hàng gia đình bé	10	11-15/11/2024	
4	NGHỀ NGHIỆP (4 tuần)	Cô giáo của bé	11	18-22/11/2024	
		Nghề bác sĩ	12	25-29/11/2024	
		Nghề nông	13	02-06/12/2024	
		Nghề xây dựng	14	09-13/12/2024	
5	ĐỘNG VẬT (4 TUẦN)	Động vật nuôi trong gia đình	15	16-20/12/2024	
		Động vật sống trong rừng	16	23-27/12/2024	
		Động vật sống dưới nước	17	30/12-03/01/2025	
		Côn trùng và chim	18	06-10/01/2025	
6	THỰC VẬT (5 tuần)	Cây xanh quanh bé	19	13-17/01/2025	
		Tết và mùa xuân	20	20-24/01/2025	
		NGHỈ TẾT TỪ NGÀY 25 /01/2025 ĐẾN NGÀY 05/02/2025			
		Ôn tập ôn định sau nghỉ tết	21	06 - 07/02/2025	
		Một số loại quả	22	10-14/02/2025	
		Một số loại rau	23	17-21/02/2025	
		Một số loại hoa	24	24-28/02/2025	
7		Luật giao thông đường bộ	25	03-07/03/2025	
		Phương tiện giao thông đường bộ	26	10-14/03/2025	

	GIAO THÔNG (4 tuần)	Một số PTGT đường không, đường sắt	27	17-21/03/2025	
		Một số PTGT đường thủy	28	24-28/03/2025	
8	HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (3 tuần)	Bé tìm hiểu về nước	29	31/03-04/04/2025	
		Một số hiện tượng tự nhiên	30	07- 11/04/2025	
		Các mùa trong năm	31	14-18/04/2025	
9	QUÊ HƯƠNG G -ĐẤT NƯỚC - BÁC HỒ (3 tuần)	Đặc Song thân yêu	32	21-25/04/2025	
		Đất nước Việt Nam kỳ diệu	33	28/04-02/05/2025	
		Bác Hồ kính yêu	34	05-09/05/2025	
		Ôn tập cuối năm	35	12 -16/05/2025	

3. Khối mầm

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
* PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG	
MT1 : Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Thực hiện đủ các động tác phát triển nhóm cơ, hô hấp, kết hợp các kiểu chân, cơ bụng, lườn, quay trái, quay phải
MT2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m
MT3 : Kiểm soát được vận động	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi, chạy liên tục trong đường dích dắc (3 – 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài - Bò chui qua cổng - Trườn theo hướng thẳng, dích dắc - Trườn về phía trước - Bật tại chỗ - Bật về phía trước
MT4: Phối hợp tốt tay- mắt trong vận động	- Tung bắt bóng với cô bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m) - Tự đập và bắt bóng tại chỗ được 3 lần liên tiếp (đường kính bóng 18 cm) - Ném xa bằng 1 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay

	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
MT5: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m) - Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm) - Bò trong đường dích dắc (3 điểm dích dắc, cách nhau 2m) - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài - Bật xa 20 - 25cm
MT6: Thực hiện được các vận động .	<ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau
MT7: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10cm - Xếp chồng 8 – 10 khối không đổ - Cài , cởi cúc - Cắt, dán - Vẽ các nét cơ bản
* PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE	
MT8: Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm chất, thịt, cá, trứng, sữa... trong tháp dinh dưỡng; - Vitamin: Rau, củ, quả
MT 9: Biết tên một số món ăn hằng ngày	Canh rau, thịt kho, trứng rán, cá chiên, cháo, nui, súp...
MT10 : Biết ăn để cao lớn , khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn uống điều độ, ăn nhiều thức ăn khác nhau để đủ chất dinh dưỡng, cao lớn và khỏe mạnh, tên các món ăn hằng ngày. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).
MT11 : Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ tự làm một số công việc tự phục vụ trong sinh hoạt. + Luyện kĩ năng đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. + Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Tháo tất, cởi quần áo ...
MT12: Sử dụng bát , thìa, cốc , đúng cách	- Tự cầm bát, thìa , cầm ly đúng cách
MT 13: Trẻ có được một số hành vi tốt trong ăn uống .	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn - Ăn uống gọn gàng, không rơi vãi

	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn đa dạng các loại thức ăn - Không uống nước lã
MT 14: Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng; - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm
MT 15: Nhận ra và phòng tránh một số hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự ý được uống thuốc khi không có sự đồng ý của người lớn. - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp. - Không đến gần những nơi: ao, hồ, sông, suối... - Nhận ra bàn ủi, bếp đang đun, phích nước nóng ...là nơi nguy hiểm không đến gần.
2/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
MT 16: Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng hay đặt câu hỏi về đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Hay đặt câu hỏi : con gì đây ạ , nó đang làm gì , cây gì đây
MT 17: Sử dụng các giác quan để xem xét , tìm hiểu đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng mắt để nhìn , mũi để ngửi, tai để nghe, tay để sờ các sự vật , hiện tượng để nói lên đặc điểm nổi bật của đối tượng như : mít thơm, có gai , quả chuối dài cong và hơi trơn nhẵn...
MT 18: Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát , tìm hiểu đối tượng	<ul style="list-style-type: none"> - Thí nghiệm các chất tan trong nước. - Thí nghiệm vật chìm, vật nổi trong nước.
MT 19: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Biết xem sách, tranh ảnh, băng hình nhận xét và trò chuyện.
MT 20: Phân loại được các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật	<ul style="list-style-type: none"> - Sự giống và khác nhau của 2 – 3 đồ dùng, đồ chơi theo dấu hiệu màu sắc hoặc hình dạng. - Phân loại các phương tiện giao thông theo nơi đi chuyển. - Phân loại các nhóm đồ dùng, công việc trong gia đình. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả... quen thuộc

MT 21: Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật , hiện tượng quen thuộc khi được hỏi .	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng , lạnh
MT 22: Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày...
MT 23: Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Đọc và đếm theo cô qua các con vật , hiện tượng , sự vật - 1 và nhiều
MT 24: So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ :bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh hai đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ :bằng nhau, nhiều hơn , ít hơn
MT 25: Biết tách, gộp và đếm hai nhóm trong phạm vi 5.	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm bằng nhiều cách khác nhau và đếm - Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 5 đếm và nói kết quả
MT26: So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ :to hơn/nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn;cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau	- So sánh: To – nhỏ, cao – thấp, dài – ngắn bằng cách đặt chồng, đặt kê, đặt lồng vào nhau. - Nhận ra sự giống và khác nhau về kích thước giữa hai đối tượng và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn; dài hơn, ngắn hơn; cao hơn, thấp hơn; bằng nhau.
MT27: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản(mẫu) và sao chép	- Sắp xếp một hình vuông rồi đến 1 hình tròn, hay một hình tròn rồi đến một hình tam giác... - Thực hành xếp: VD: một bạn trai rồi đến 1 bạn gái...
MT 28: Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- Nhận biết gọi tên các hình: hình vuông, hình tròn....và nhận dạng các hình đó trong thực tế
MT 29: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Ở phía trên - dưới, trước - sau của bản thân. - Ở phía tay phải, tay trái của bản thân trẻ
MT 30: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
MT 31: Nói được tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình	- Nói được tên của bố mẹ, anh chị, ông bà...

MT 32: Nói được địa chỉ của gia đình mình (trong nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ nói được số nhà, tên đường, tên xã của nhà mình khi trò chuyện
MT 33: Nói được tên trường/ lớp , cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên và địa chỉ của trường. - Công việc của các cô ở trường. - Tên, đặc điểm, của các bạn trong lớp của bé. - Đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện
MT 34: Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng ...khi được hỏi, xem tranh	- Sản phẩm của nghề nông: Cà phê, lúa, đậu, bắp... - Nghề xây dựng: Nhà cửa, cầu, đường... - Nghề giáo viên, bộ đội ...
MT 35: Kể tên một số ngày lễ, ngày hội	- Kể tên một số ngày lễ hội: Quốc khánh 2/9, trung thu, tết cổ truyền....qua trò chuyện , qua tranh
MT 36: Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương	- Kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương, Đắk Hòa quê em..
3/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT37: Lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối diện	- Thực hiện được yêu cầu đơn giản - Nghe câu đơn, câu phức - Nghe kể chuyện, đồng dao, ca dao, thơ ca...về các chủ đề - Nói rõ để người nghe có thể hiểu được - Sử dụng các từ khái quát, câu đơn, câu ghép khi giao tiếp - Kể lại sự việc đơn giản diễn ra của bản thân trẻ như: đi thăm ông bà, đi chơi, đi học, đi xem phim...
MT 38: Nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng việt - Nói đủ nghe , không nói lí nhí
MT39: Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Các từ thông dụng ai? ,cái gì? ở đâu? Khi nào?
MT 40: Đọc thuộc bài thơ,ca dao,đồng dao...	- Đọc diễn cảm các bài thơ, ca dao, đồng dao... theo các chủ đề
MT 41: Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	- Kể lại được câu chuyện đã được nghe có sự giúp đỡ
MT 42: Bắt chước giọng nói, của nhân vật trong truyện	- Bắt chước được giọng nói phù hợp với nhân vật trong truyện, trong bài thơ theo từng chủ đề
MT43: Sử dụng các từ như “vâng ạ” , “ạ” “ Thưa”.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, lịch sự: Dạ! Vâng!...phù hợp với tình huống

<p>MT 44: Trẻ có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với các kí hiệu thông thường trong cuộc sống. (Kí hiệu nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...) - Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.
<p>MT45: Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh
<p>4/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI</p>	
<p>MT46: Nói được điều bé thích và không thích</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được điều bé thích và không thích thể hiện qua lời nói, nét mặt
<p>MT 47: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn trả lời các câu hỏi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia cùng các bạn trong hoạt động góc. - Tham gia vào các câu hỏi và trả lời câu hỏi trong hoạt động học có chủ đích, hoạt động ngoài trời...
<p>MT 48: Nhận ra cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra cảm xúc (Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh, phim, âm nhạc...
<p>MT49: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, qua tranh, ảnh, xem ti vi...
<p>MT50: Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định không tranh dành đồ chơi,âng lời bố mẹ...
<p>MT51: Biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết nói xin lỗi, cảm ơn , chào hỏi khi được nhắc nhở
<p>MT52: Chú ý nghe khi cô, bạn nói</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý nghe người khác nói bằng cử chỉ, điệu bộ, không nói chen ngang người khác
<p>MT53: Cùng chơi với các bạn trong trò chơi theo nhóm nhỏ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chơi với bạn , chia đồ chơi cùng chơi, không dành đồ chơi
<p>MT54: Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thích ngắm hoa , cây xanh và biết chăm sóc cây cối trong gia đình, chăm sóc cây xanh trong sân trường.
<p>MT55: Trẻ biết bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện, nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bỏ rác đúng nơi quy định - Tiết kiệm điện, nước
<p>5/ LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ</p>	

MT56: Vui sướng vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn các vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.	- Vui sướng vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn các vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.
MT57: Hát tự nhiên, hát theo giai điệu bài hát quen thuộc	- Hát tự nhiên, hát theo giai điệu bài hát quen thuộc
MT58: Vận động theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc.	- Vận động theo nhạc bằng các hình thức khác nhau: Vỗ tay theo nhịp, theo phách, vận động minh họa
MT59: Vẽ các nét thẳng, nét xiên, nét ngang tạo thành bức tranh đơn giản	- Phối hợp các nét thẳng, nét xiên, nét ngang tạo thành bức tranh đơn giản.
MT60: Trẻ biết xé và sử dụng kéo để cắt và dán các hình cắt, xé thành sản phẩm nghệ thuật	- Xé và cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán các hình cắt, xé thành sản phẩm nghệ thuật có bố cục và màu sắc
MT61: Trẻ biết sử dụng các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm nghệ thuật có nhiều chi tiết.	- Làm lồi, dõ bẹt, bẻ cong, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong...đất nặn để tạo thành sản phẩm nghệ thuật có nhiều chi tiết
MT62: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm nghệ thuật của bản thân và của bạn.	- Nhận xét các sản phẩm nghệ thuật.
MT63: Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc	- Trẻ biết tự lựa chọn dụng cụ, âm nhạc như : xắc xô, phách tre... để gõ đệm theo nhịp bài hát theo ý thích
MT64: Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Lựa chọn nguyên vật liệu và tạo ra các sản phẩm nghệ thuật theo ý thích
MT65: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho các sản phẩm nghệ thuật của mình

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC LỚP MẦM

STT	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	THỜI GIAN
1	TRƯỜNG MẦM NON (4 tuần)	Tuần 1: Trường MN Vành Khuyên của bé	1	Từ 05 - 06/09
		Tuần 2: Bé vui đến lớp	1	Từ 09 - 13/09
		Tuần 3: Trung thu cùng bé	1	Từ 16 - 20/09
		Tuần 4: Đồ chơi của bé	1	Từ 23 - 27/09

2	BẢN THÂN (4 tuần)	Tuần 1: Bé là ai	1	Từ 30/09 - 04/10	
		Tuần 2: Các bộ phận cơ thể bé	1	Từ 07 - 11/10	
		Tuần 3: Bạn bé ở lớp	1	Từ 14 - 18/10	
		Tuần 4: Bé ăn món gì	1	Từ 21 - 25/10	
3	GIA ĐÌNH (4 tuần)	Tuần 1: Gia đình nhỏ của bé	1	Từ 28/10 - 01/11	
		Tuần 2: Ngôi nhà của bé	1	Từ 04 - 08/11	
		Tuần 3: Đồ dùng trong gia đình bé	1	Từ 11 - 15/11	
		Tuần 4: Những ngày vui trong gia đình bé	1	Từ 18 - 22/11	
4	NGHỀ NGHIỆP (4 tuần)	Tuần 1: Mừng ngày hội của cô	1	Từ 25 - 29/11	
		Tuần 2: Nghề nghiệp của bố mẹ	1	Từ 02 - 06/12	
		Tuần 3: Bác sĩ tí hon	1	Từ 09 - 13/12	
		Tuần 4: Bé thích làm chú bộ đội	1	Từ 16 - 20/12	
5	ĐỘNG VẬT (4 tuần)	Tuần 1: Một số động vật nuôi trong gia đình bé	1	Từ 23 - 27/12	
		Tuần 2: Một số động vật sống trong rừng	1	Từ 30/12 - 03/01/2025	
		Tuần 3: Một số động vật sống dưới nước	1	Từ 06 - 10/01	
		Tuần 4: Một số con côn trùng	1	Từ 13 - 17/01	
6	THỰC VẬT (5 tuần)	Tuần 1: Tết và mùa xuân	1	Từ 20 - 24/01	
		Nghỉ Tết Nguyên Đán từ ngày 25/01 đến ngày 05/02/2025			
		Ôn tập sau tết	1	Từ 06 - 07/02	
		Tuần 2: Một số loại hoa	1	Từ 10 - 14/02	
		Tuần 3: Cây xanh quanh bé	1	Từ 17 - 21/02	
		Tuần 4: Một số loại rau, củ	1	Từ 24 - 28/02	
	Tuần 5: Một số loại quả	1	Từ 03 - 07/03		
GIAO THÔNG	Tuần 1: Một số luật lệ giao thông	1	Từ 10 - 14/03		

	(4 tuần)	Tuần 2: Một số loại phương tiện giao thông đường bộ	1	Từ 17 - 21/03
		Tuần 3: Một số loại phương tiện giao thông đường không	1	Từ 24 - 28/03
		Tuần 4: Một số loại phương tiện giao thông đường thủy	1	Từ 31/03 - 04/04
8	NƯỚC- HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (3 tuần)	Tuần 1: Giọt nước bé xíu	1	Từ 07 - 11/04
		Tuần 2: Hiện tượng thiên nhiên quanh bé	1	Từ 14 - 18/04
		Tuần 3: Các mùa trong năm	1	Từ 21 - 25/04
9	QUÊ HUƠNG - ĐẤT NƯỚC - BÁC HỒ (3 tuần)	Tuần 1: Đắc Hòa của bé	1	Từ 28/04 - 02/05
		Tuần 2: Bé đi du lịch vòng quanh đất nước	1	Từ 05 - 09/05
		Tuần 3: Bác Hồ kính yêu	1	Từ 12 - 16/05
		Ôn tập kiểm tra chất lượng cuối năm	1	Từ 19 - 23/05
Tổng số tuần			35 tuần	

4. Khối nhà trẻ

MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
* Phát triển vận động: Trẻ biết thực hiện theo cô các động tác:	
MT1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi : + Cân nặng của trẻ trai: 12,2 - 14,3 kg ; trẻ gái: 11,3 - 13,5 kg + Chiều cao của trẻ trai: 87,8 - 96,1 cm; trẻ gái: 86,4 - 95,1 cm.	- Thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lí, lên thực đơn phù hợp theo mùa và nhu cầu dinh dưỡng của trẻ - Cho trẻ ăn một bữa chính và một bữa phụ/ ngày (tại trường MN) - Cho trẻ ngủ một giấc / ngày (tại trường) - Cân đo chăm biểu đồ theo quý để nắm được mức độ phát triển của trẻ - Kết hợp với trạm y tế khám sức khỏe định kì 2 lần/năm

	<ul style="list-style-type: none"> - Phối kết hợp với phụ huynh, trao đổi thường xuyên về tình hình sức khỏe của trẻ để có biện pháp can thiệp kịp thời.
MT2: Trẻ thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
MT3: Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu về tập bò	<ul style="list-style-type: none"> - Tập bò trườn: <ul style="list-style-type: none"> + Bò thẳng hướng + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng + Bò chui qua cổng. + Bò qua vật cản. + Bò dích dắc qua các chướng ngại vật + Trườn qua vật cản. - Tập đi, chạy: <ul style="list-style-type: none"> + Đi theo hiệu lệnh + Đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Đi theo vòng tròn + Đi trên ván dốc + Đi đều bước + Đi bước qua suối nhỏ (chiều rộng 15 cm) + Đi bước qua chướng ngại vật + Đi theo đường ngoằn ngoèo + Đi trên ghế thể dục + Bước lên xuống bục gỗ (cao 10-15 cm) + Chạy theo hướng thẳng + Chạy đổi hướng + Chạy theo hiệu lệnh + Chạy theo đường hẹp + Đứng co 1 chân
MT 4: Các vận động cơ bản và phát triển tố chất ban đầu về nhún bật.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập nhún bật: <ul style="list-style-type: none"> + Bật tại chỗ. + Bật xa tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ.
MT 5: Các vận động cơ bản và phát triển tố chất ban đầu về khi tung, ném, bắt.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập tung, ném, bắt <ul style="list-style-type: none"> + Tung bắt bóng cùng cô + Ném bóng về phía trước + Ném bóng vào đích.(xa 1-1,2m) + Ném trúng đích nằm ngang bằng hai tay + Lăn bóng cho cô

	<ul style="list-style-type: none"> + Lăn bóng vào cổng + Lăn bóng cho bạn
MT6: Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt	<ul style="list-style-type: none"> - Xoay tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, sót, nhào, khuấy, đào, vò, xé - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6- 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT7: Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt; ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt; lau miệng. uống nước sau khi ăn cơm; vứt rác đúng nơi quy định
MT8: Hình thành cho trẻ một số thói quen tốt.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu - Giữ gìn sức khỏe và an toàn.
MT9: Biết được lợi ích của việc ăn uống đối với bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn đa dạng các loại thức ăn - Không uống nước lã - Ăn hết khẩu phần ăn
MT10: Trẻ có được một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn - Ăn uống gọn gàng, không rơi vãi - Khi ăn không nói chuyện, đùa nghịch.
MT11: Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng...) khi được nhắc nhở. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch dao, kéo, các vật sắc nhọn) và phòng tránh.
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
MT 12: Luyện tập và phối hợp các giác quan; thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ ngấm, nhìn ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắm đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, trơn, nhẵn, xù xì.

	- Nếm vị của một số thức ăn, quả, ngọt, mặn chua.
MT 13: Nhận biết một số bộ phận của cơ thể con người	- Tên chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT 14: Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi.	- Tên đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi quen thuộc
MT 15: Nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
MT 16: Nhận biết một số con vật quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật con vật quen thuộc.
MT 17: Nhận biết một số hoa, quả quen thuộc.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật rau, hoa, quả quen thuộc.
MT 18: Nhận biết một số màu cơ bản.	- Màu đỏ, vàng, xanh ...
MT 19: Nhận biết kích thước.	- Kích thước (to - nhỏ)
MT 20: Nhận biết hình dạng.	- Hình tròn, hình vuông
MT 21: Nhận biết số lượng.	- Số lượng (một - nhiều).
MT 22: Nhận biết vị trí trong không gian.	- Vị trí không gian (trên- dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.
MT 23: Nhận biết bản thân, người gần gũi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người bản thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo và các bạn.
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
MT24: Trẻ thể hiện được ý thức về bản thân.	- Ý thức về bản thân. + Tên tuổi, giới tính + Những điều trẻ thích, không thích
MT25: Biết yêu quý, bảo vệ cây xanh, và các con vật.	- Thích chăm sóc cây, con, vật quen thuộc - Bỏ rác đúng nơi quy định - Không hái hoa, bẻ cành - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
MT26: Trẻ biết sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày một cách lễ phép.	- Sử dụng các từ: vâng ạ, dạ, thưa...trong giao tiếp - Nói đủ nghe, không nói lí nhí.
MT27: Trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh qua nét mặt.	- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. (vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên...) qua nét mặt cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ

	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
MT28: Trẻ biết thể hiện sự quan tâm của mình đến môi trường xung quanh.	- Quan tâm và bảo vệ môi trường. - Tiết kiệm nước, điện. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Không để tràn nước khi rửa tay
MT 29: Trẻ mạnh dạn tham gia các hoạt động.	- Tham gia cùng cô và các bạn trong hoạt động.
MT30: Thể hiện nhu cầu cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói.	- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1, 2 câu đơn và câu dài.
MT31: Trẻ thực hiện được nhiệm vụ thông qua 2-3 hành động.	- Nghe và thực hiện được yêu cầu bằng lời nói
MT32: Mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Tham gia vào các câu hỏi và trả lời câu hỏi trong hoạt động học có chủ đích, hoạt động ngoài trời...
MT33: Trả lời các câu hỏi ngắn gọn	- Thực hiện được yêu cầu đơn giản - Nghe các câu hỏi “ Cái gì”; “Làm gì”; “Để làm gì ? Ở đâu ?
MT34: Trẻ đọc theo cô các bài thơ, ca dao, đồng dao đơn giản.	- Đọc thơ ca, đồng dao về: chủ đề trường mầm non, bản thân, gia đình, thực vật, động vật, quê hương đất nước...
MT35: Trẻ nói được nhiều tiếng khác nhau.	- Sử dụng các lời nói trong giao tiếp hàng ngày, các từ chỉ đồ vật con vật quen thuộc.
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	
* Phát triển tình cảm xã hội	
MT36: Ý thức về bản thân.	- Nhận biết gọi tên một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Trẻ nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.
MT37: Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. - Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi. - Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua cử chỉ, nét mặt. - Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi như: bắt chước tiếng kêu, gọi.
* Phát triển kỹ năng xã hội	

MT38: Mời quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
MT39: Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số hành vi văn hóa giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “Vâng ạ”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN CẢM XÚC THẨM MỸ	
MT40: Biết vận động theo nhạc đơn giản cùng cô.	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT41: Trẻ thích nghe hát các bài hát có giai điệu có tiết đơn giản, gần gũi.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.
MT42: Biết vẽ những hình đơn giản.	- Trẻ vẽ được các hình đơn giản như: ông mặt trời, bánh xe...
MT43: Trẻ biết sử dụng kĩ năng nặn(xoay tròn, lăn dài, dõ bẹt để tạo thành sản phẩm có hình dạng đơn giản.	- Làm lồm, dõ bẹt, bẻ cong, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong...đất nặn để tạo thành sản phẩm.
MT44: Trẻ biết phối hợp cách phết hồ vào giấy để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các mẫu phết hồ mặt sau và dán tạo thành bức tranh có bố cục và màu sắc theo mẫu.
MT45: Trẻ biết cùng cô nhận xét các sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về hình dáng, màu sắc...

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC NHÀ TRẺ

STT	CHỦ ĐỀ	CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỐ TUẦN	THỜI GIAN
1	TRƯỜNG MẦM NON VÀNH KHUYÊN (4 tuần)	Tuần 1: Trường MN của bé	1	Từ 05 - 06/09
		Tuần 2: Lớp học của bé	1	Từ 09 - 13/09
		Tuần 3: Bé vui Tết Trung thu	1	Từ 16 - 20/09
		Tuần 4: Đồ chơi của bé	1	Từ 23 - 27/09
		Tuần 1: Bé tên gì	1	Từ 30/09 - 04/10

2	BẢN THÂN (4 tuần)	Tuần 2: Bé thích ăn gì	1	Từ 07 - 11/10	
		Tuần 3: Tay bé sạch thơm	1	Từ 14 - 18/10	
		Tuần 4: Bạn bé là ai	1	Từ 21 - 25/10	
3	GIA ĐÌNH (4 tuần)	Tuần 1: Mẹ yêu của con	1	Từ 28/10 - 01/11	
		Tuần 2: Gia đình của bé	1	Từ 04 - 08/11	
		Tuần 3: Đồ dùng trong gia đình bé	1	Từ 11 - 15/11	
		Tuần 4: Những ngày vui trong gia đình bé	1	Từ 18 - 22/11	
4	NGHỀ NGHIỆP (4 tuần)	Tuần 1: Cô giáo của con	1	Từ 25 - 29/11	
		Tuần 2: Bé làm bác sỹ	1	Từ 02 - 06/12	
		Tuần 3: Chú thợ xây	1	Từ 09 - 13/12	
		Tuần 4: Chú bộ đội bé yêu	1	Từ 16 - 20/12	
5	ĐỘNG VẬT (4 tuần)	Tuần 1: Con mèo yêu quý	1	Từ 23 - 27/12	
		Tuần 2: Cá vàng bơi	1	Từ 30/12 - 03/01/2025	
		Tuần 3: Chú voi con	1	Từ 06 - 10/01	
		Tuần 4: Côn trùng đáng yêu	1	Từ 13 - 17/01	
6	THỰC VẬT (5 tuần)	Tuần 1: Tết và mùa xuân	1	Từ 20 - 24/01	
		Nghỉ Tết Nguyên Đán từ ngày 25/01 đến ngày 05/02/2025			
		Ôn tập ôn định sau tết	1	Từ 06 - 07/02	
		Tuần 2: Vườn hoa của bé	1	Từ 10 - 14/02	
		Tuần 3: Bé thích ăn rau	1	Từ 17 - 21/02	
		Tuần 4: Một số loại cây xanh	1	Từ 24 - 28/02	
		Tuần 5: Một số loại quả	1	Từ 03 - 07/03	
7	GIAO THÔNG	Tuần 1: Luật giao thông	1	Từ 10 - 14/03	
		Tuần 2: Phương tiện giao thông đường bộ	1	Từ 17 - 21/03	

	(4 tuần)	Tuần 3: Phương tiện giao thông đường sắt – đường không	1	Từ 24 - 28/03
		Tuần 4: Phương tiện giao thông đường thủy	1	Từ 31/03 - 04/04
8	NƯỚC- HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN (3 tuần)	Tuần 1: Mùa hè của bé	1	Từ 07 - 11/04
		Tuần 2: Hạt mưa tí tách	1	Từ 14 - 18/04
		Tuần 3: Tác dụng của nước	1	Từ 21 - 25/04
9	QUÊ HƯƠNG - ĐẤT NƯỚC - BÁC HỒ (3 tuần)	Tuần 1: Tây Nguyên của bé	1	Từ 28/04 - 02/05
		Tuần 2: Bác Hồ với các cháu thiếu nhi	1	Từ 05 - 09/05
		Tuần 3: Lá cờ tổ quốc	1	Từ 12 - 16/05
		Ôn tập kiểm tra chất lượng cuối năm	1	Từ 19 - 23/05
Tổng tuần học, ôn tập			35 tuần	

Trên đây là kế hoạch chỉ đạo thực hiện chuyên môn năm học 2024 – 2025 của trường MN Vành Khuyên. Bản kế hoạch đã được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận và đi đến thống nhất biểu quyết cùng nhau quyết tâm, phấn đấu thực hiện để hoàn thành tốt kế hoạch đề ra. Toàn thể Hội đồng sư phạm quyết tâm thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn và nỗ lực phấn đấu trong mọi công việc, cùng nhau đưa trường, lớp ngày càng đi lên và phát triển.

Duyệt kế hoạch
HIỆU TRƯỞNG

Người xây dựng kế hoạch
P. HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Oanh

Phạm Thị Vinh